

**TÒA ÁN NH3 DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2023/DSPT

Ngày: 12-7-2023

V/v tranh chấp yêu cầu chia di sản
thừa kế, Yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, Hủy hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

**NH3 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH3 DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân;

Ông Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nH3 dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nH3 dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05,12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nH3 dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp: “Yêu cầu chia di sản thừa kế, Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 604/2023/QĐXX-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị S sinh năm 1951 (chết).

Địa chỉ: 70/14 Trần T, phường 7, Tp. M, tỉnh Tiền Giang.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà S:

1. Võ Thị H, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: 70/14 Trần T, phường X, Tp. M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền của chị Võ Thị H: Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: 129B Nguyễn Văn G, phường N, Tp. M, Tiền Giang.

2. Võ Thị Minh H2, sinh năm 1980 (xin vắng bl 409);

3. Võ Thụy Minh H3, sinh năm 1982 (xin vắng bl 410);

4. Võ Thụy Minh H4, sinh năm 1985 (xin vắng bl 411);

Địa chỉ: 70/14 Trần T, phường 7, Tp. M, tỉnh Tiền Giang.

5. Võ Minh H5, sinh năm 1988 (xin vắng bl 412);

Địa chỉ: 410 lô I Chung cư Đồng D, phường Y, quận S, TP Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T2, Huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1/ Trần Thị T1, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 105A Khu vực A, thị trấn Đ, Huyện Đ, tỉnh Long An.

2/ Trần Văn H5 sinh năm 1962 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu vực 1 thị trấn Đ, Huyện Đ1, Long An.

3/ Trần Thị H6, sinh năm 1959 (vắng mặt);

4/ Trần Thị M, sinh năm 1965 (vắng mặt);

5/ Trần Văn M1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

6/ Trần Minh V, sinh năm 1969 (vắng mặt);

7/ Trần Thị Yên O, sinh năm 1971 (vắng mặt);

8/ Trần Thị Tố T3, sinh năm 1972 (vắng mặt);

9/ Trần Quốc P, sinh năm 1975 (vắng mặt);

10/ Trần Quốc T4, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T1, xã T2, Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

11/ Nguyễn Thị H6, sinh năm 1944 (vắng mặt);

12/ Trương Văn H5, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T1, xã T2, Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

13/ Huỳnh Văn B1, sinh năm 1941 (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Quốc D, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Quốc lộ 2, Phường Y, Thành phố T, tỉnh Long An.

(Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 04.7.2023).

14/ Huỳnh Thị Thanh V, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số 02, đường L, Phường N, Thành phố T, tỉnh Long An.

15/ Huỳnh Quốc D, sinh năm 1962;

Địa chỉ: quốc lộ 2, Phường N, Thành phố T, tỉnh Long An.

16/ Trần Thị Lang, sinh năm 1948;

Địa chỉ: ấp T3, xã T4, Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền của chị V, anh D, bà Lang: Võ Thị H sinh năm 1977 (Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 26/9/2018 (BL 62);

Địa chỉ: 70/14 Trần T, phường 7, TP M Tiền Giang

17/ Trần Thị Diễm H8, sinh năm 1976;

Đại diện theo ủy quyền cho chị H8 là chị Trần Thị Minh H2, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp Tân Phú, xã Tân H8, Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 04/7/2023).

18/ Trần Thị Minh H2, sinh năm 1980 (có mặt);

19/ Trần Thị Mỹ H11, sinh năm 1982 (có mặt);

20/ Trần Thị Thu T6, sinh năm 1991 (có mặt);

Cùng địa chỉ: tại ấp T, xã T2, Huyện C.

21/ Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn P- Chức vụ: Giám Đốc (vắng mặt);

Địa chỉ: 371 đường H9 xã Đạo T1, TP M, Tiền Giang.

22/ Ủy ban nhân dân Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Bé H9- Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: ấp Cá, thị trấn T3, Huyện C, Tiền Giang.

23/ Văn Phòng đăng ký đất đai Huyện C (xin vắng bl 465).

Địa chỉ: ấp Cá thị trấn T2, Huyện C, Tiền Giang

24/ Văn phòng công chứng A1 (xin vắng bl 403).

Địa chỉ: 381/5 quốc lộ 1A, ấp C1, xã Thân Cửu N, huyện C, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:*

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà S: Võ Thị H, Võ Thị Minh H2, Võ Thụy Minh H3, Võ Thụy Minh H4, Võ Minh H5.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Quốc D, Huỳnh Thị Thanh V, Trần Thị L2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo án sơ thẩm;*

- *Nguyên đơn Trần Thị S và đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày:* Nguyên đơn Trần Thị S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn B1 để lại đối với di sản là các thửa đất số 213, 214, 1034 tổng diện tích đo đạc thực tế 3.038,3m² tại ấp T, xã T2, Huyện C, tỉnh Tiền Giang

Ông Trần Văn B1 và bà Phạm Thị H10 chung sống vợ chồng với nhau có tất cả 06 người con gồm: Nguyễn Thị B2, Trương Văn H8, Trần Thị K2, Trần Thị L2, Trần Thị S, Trần Văn T5

Ông B1 chết năm 1995. Bà Phạm Thị H10 chết năm 2007.

Ông B1 trước khi chết có đăng ký ruộng đất 03 thửa đất 165, 166, 82 tại ấp T, xã T2, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có kê khai theo chỉ thị 299 tại phần sổ đăng ký ruộng đất và sổ mục kê ruộng đất, năm 1995 ông B1 mất, sau 02 năm từ khi ông B1 mất, ông T5 đã làm đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B1 cho ông T5 đứng tên đối với 03 thửa đất là thửa 213, 214, 1034 diện tích tổng cộng 7.057m² và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001. Sau đó ông T5 chuyển quyền sở hữu cho một số người, số diện tích đất còn lại ông T5 quản lý sử dụng tới khi ông T5 chết thì bà B vợ ông T5 và các con đi làm thủ tục thừa hưởng di sản thống nhất để bà B được đứng tên quản lý sử dụng 03 thửa 213, 214, 1034 diện tích 4014,2m².

Sau đó bà B tiếp tục cho lại các con là H8, H2, H11, T6 mỗi người 01 phần đất để đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại thì bà B đứng tên.

Do ông B1 bà Huê chết không di chúc và việc ông Tám làm thủ tục cấp quyền sở hữu cho cá nH3 ông Tám là không đúng, bà S không biết không có ký tên từ chối thừa kế và vẫn còn hộ khẩu trong hộ ông Tám nên bà S yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Yêu cầu chia kỹ phần thừa kế theo hiện vật với diện tích mỗi kỹ phần là 612,3m², bà S được 04 kỹ phần, bà S xin nhận diện tích 1455,9m² của thửa 213, 214 còn thửa 1034 xin nhận giá trị còn đất giao lại cho bà B.

Về tiền bồi thường công trình cải tạo đường dây 220KV thì là 477.174.009 đồng chia làm 06 phần thì mỗi phần là 79.529.000 đồng, bà S nhận 04 kỹ phần là 318.116.000 đồng.

Do bà S bệnh chết năm 2021 nên các con bà S là Võ Thị H, Võ Thị Minh H2, Võ Thụy Minh H3, Võ Thụy Minh H4, Võ Minh H5 tiếp tục yêu cầu giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà S.

- *Bị đơn Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành Phương trình bày:* Bà B không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn lý do:

Về nguồn gốc 03 thửa đất tranh chấp là do cha chồng Trần Văn B1 để lại cho ông Trần Văn Tám, ông T5 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho ông Tám là đúng, các anh em không ai tranh chấp, khi ông Tám chết bà B và các con làm thủ tục thừa kế các thửa đất từ ông Tám, Bà B được hưởng toàn bộ thửa đất từ ông Tám, sau đó bà B có làm thủ tục tặng cho các con là Hương, H2, H11, T6 một phần đất và nhận tiền bồi thường đối với thửa đất bị thu hồi bồi thường giải tỏa. Quá trình làm thủ tục không có ai tranh chấp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B và các con bà B.

Yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị S là không có căn cứ pháp luật, do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận, trường hợp gia đình bà S muốn đưa bà S về an nghỉ cùng phần mộ của cha mẹ thì bà B đồng ý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập:*

+ *Trần Thị Lang trình bày:* Bà Lang là người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn B1 mất năm 1995 và bà Phạm Thị H10 mất năm 2007. Ông B1 và bà Huệ qua đời để lại di sản bao gồm:

Diện tích 2377m² thửa số 213, tờ bản đồ 01 tại ấp T, xã T2, huyện C, Tiền Giang loại đất lúa năm 2011 chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm.

Diện tích 2847m² thửa số 214, tờ bản đồ 01 tại ấp T, xã T2, huyện C, Tiền Giang loại đất lúa.

Diện tích 1833m² thửa số 1034 tờ bản đồ 01 tại ấp T, xã T2, huyện C, Tiền Giang có 300m² thổ cư và 1533m² đất cây lâu năm. Trên đất có xây cất 01 căn nhà cấp 4 chữ đình, kết cấu tường mái Fibro xi măng nền gạch diện tích 100 m2 ông B1 bà H10 xây cất.

Sau khi cha mẹ chết ông T5 tự ý kê khai đứng tên toàn bộ di sản thừa kế mà không có sự đồng ý của anh em trong gia đình. Cả 03 thửa đất đã được UBND H5ện C cấp cho ông Trần Văn T5 đứng tên. Sau đó ông Tám đã cH5ển nhượng 703,4m² cho Nguyễn Văn N, chuyển nhượng 419,4m² cho Huỳnh Quốc D hiện tại còn khoảng 1254,2m². Thửa đất số 214 tờ bản đồ 01 cH5ển nhượng ông Phan Thành N2 492,6m², cho Trần Văn H5 510,7m², cH5ển nhượng cho Nguyễn Văn Nửa 330,6m² hiện tại còn 1513,1m², ngoài ra công trình cải tạo nâng cấp đường dây tải điện 220KV Phú Lâm-Cai Lậy 2 đoạn qua C được nhà nước bồi thường 477.174.009 đồng bà B lãnh tiền năm 2017. Yêu cầu của bà L2 là xin nhận 01 kỷ phần thừa kế với diện tích đất là 612,3m² và tiền bồi thường giải tỏa 79.529.000 đồng. Toàn bộ các phần thừa kế được chia bà L2 để lại cho bà Trần Thị S.

+ *Huỳnh Thị Thanh V và anh Huỳnh Quốc D trình bày:* Bà V và anh D là con ruột của bà Trần Thị K2 sinh năm 1943 (mất năm 1967). Bà K2 là người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn B1 mất năm 1995 và bà Phạm Thị H10 mất năm 2007. Do bà K2 mất trước ông B1 và bà Huệ do đó anh chị là người thuộc hàng thừa kế thế vị của bà K2 và được hưởng một kỷ phần thừa kế theo pháp luật trong phần di sản mà ông B1 bà H10 để lại. Theo đó di sản ông B1 và bà Huệ để lại gồm các thửa đất và diện tích như bà L2 trình bày. Yêu cầu của bà V và anh D là xin nhận 01 kỷ phần thừa kế với diện tích

đất là 612,3m² và tiền bồi thường giải tỏa 79.529.000 đồng. Toàn bộ các phần thừa kế được chia để lại cho bà Trần Thị S (BL 242).

+ *Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang trình bày:* Căn cứ mục 2 phần II Công văn số 64/TANDTC ngày 03/4/2019 của Tòa án nH3 dân tối cao, Sở tài nguyên và môi trường đề nghị Tòa án nhân dân Huyện C xem xét giải quyết theo đúng thẩm quyền qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trường hợp Tòa án có bản án quyết định có hiệu lực pháp luật với các nội dung quyết định cụ thể thì trong phạm vi chức năng nhiệm vụ quyền hạn của mình Sở tài nguyên và môi trường sẽ căn cứ thực hiện.

+ *Văn phòng công chứng Ấp Bắc trình bày:* Ngày 23/11/2017 Văn phòng công chứng Ấp Bắc nay là Văn phòng công chứng Lâm Văn Phước có nhận yêu cầu công chứng của bà Nguyễn Thị B đề nghị công chứng văn bản pH3 chia và tặng cho di sản thừa kế của chồng là ông Trần Văn T5 chết để lại, tài sản gồm quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01712 QSDD/449/QĐUBH cấp ngày 30/3/2001 tại Ủy ban nhân dân huyện C đối với thửa đất số 213,214,1034 tờ bản đồ số 01 địa chỉ ấp T, xã T2, huyện C, Tiền Giang. Sau khi xem xét hồ sơ gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng tử ông T5, giấy tờ chứng minh cha mẹ ông T5 mất trước ông T5, chứng minh nhân dân hộ khẩu các người trong hàng thừa kế, giấy tờ chứng minh mối quan hệ trong hàng thừa kế với người chết. Văn phòng công chứng thông báo niêm yết di sản thừa kế người chết để lại niêm yết tại UBND xã T2 xác nhận trong thời hạn niêm yết theo qui định pháp luật không có ai khiếu nại hay tranh chấp. Ngày 06/2/2018 tất cả hàng thừa kế thống nhất ký tên trên văn bản thỏa thuận pH3 chia và tặng cho di sản thừa kế với khối tài sản nêu trên cho cho bà B được hưởng. Việc công chứng được thực hiện đúng qui định của pháp luật về công chứng. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà B đứng tên, đến ngày 16/7/2019 bà B tiến hành các thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho các con là Trần Thị Minh H2, Trần Thị Thu T6, Trần Thị Diễm Hương, Trần Thị Mỹ H11. Việc công chứng hợp đồng trên thực hiện đúng qui định của pháp luật về công chứng cụ thể sau khi nhận yêu cầu công chứng cùng đầy đủ các giấy tờ gồm bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nH3 dân, hộ khẩu của bà B và con bà B. Khi kiểm tra hồ sơ công chứng viên đã cho các bên đọc lại và giải thích quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia ký kết hợp đồng, tại thời điểm công chứng viên ký hợp đồng công chứng thì Văn phòng công chứng chưa nhận bất kỳ văn bản nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc ngăn chặn kê biên quyền sử dụng đất do đó công chứng viên hoàn thành việc công chứng. Vì vậy văn phòng công chứng Lâm Văn Phước kính đề nghị quý Tòa không công nhận việc yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận pH3 chia và tặng cho di sản thừa kế số 584 quyền số 01 TP/CC-SCC/HNGD lập tại Văn phòng công chứng Ấp Bắc và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 5012,5013,5006,5007,5010,5011,5009,5008 quyền 01 số 01 TP/CC-SCC/HNGD lập tại Văn phòng công chứng Ấp Bắc tỉnh Tiền Giang. Văn phòng công chứng Lâm Văn Phước xin vắng mặt trong suốt quá trình xét xử.

+ Huỳnh Văn B1, Trần Văn H5, Trần Thị Yến O, Trần Thị Thu là chồng và con của bà Trần Thị B2 trình bày: Là chồng và các con của bà Trần Thị B2 không có ý kiến hay yêu cầu được nhận di sản thừa kế của cụ B1, cụ H10 để lại đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật (bL 234-237).

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 165, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 612, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Trần Thị S.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản mà ông B1 bà Huê để lại cụ thể chia giá trị như sau:

Chia làm 07 kỷ phần cho các người thừa kế là Phạm Thị B2, Trương Văn H8, Trần Thị K2, Trần Thị L2, Trần Thị S, Trần Văn T5.

Bà Trần Thị S hưởng 02 kỷ phần thừa kế, buộc bà Nguyễn Thị B và chị Trần Thị Diễm H8, chị Trần Thị Minh H2, chị Trần Thị Mỹ H11, chị Trần Thị Thu T6 là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn Tám có nghĩa vụ hoàn lại cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà S là chị Hằng, chị H2, chị H3, chị H4, anh H5 số tiền tương đương 02 kỷ phần thừa kế là 1.039.209.716 đồng. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị B và chị H8, chị H2, chị H11, chị T6 được hưởng 02 kỷ phần thừa kế giá trị là 1.039.209.716 đồng. Bà B, chị H8, chị H2, chị H11, chị T6 tiếp tục quản lý các phần đất hiện đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 12/01/2023 những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Trần Thị S là Võ Thị H, Võ Thị Minh H2, Võ Thụy Minh H3, Võ Thụy Minh H4 và Võ Minh H5 cùng kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn bằng tiền là chưa đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cũng trong ngày 12/01/2023, bà Trần Thị L2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị K2 gồm: Huỳnh Quốc D, Huỳnh Thị Thanh V (con bà K2) có đơn yêu cầu độc lập cùng

kháng cáo. Với lý do phần di sản thừa kế bà L2 và bà K2 được hưởng nhưng bà K2 đã chết nên bà L2, anh D, chị V đồng ý tặng cho bà Trần Thị S và người thừa kế của bà S được hưởng, nhưng Tòa sơ thẩm không giải quyết mà lại giao cho bị đơn quản lý là không đúng. Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 13/01/2023, bị đơn Nguyễn Thị B cũng kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Huỳnh Quốc D thay đổi yêu cầu kháng cáo anh D xin được nhận toàn bộ phần di sản của mẹ anh là bà K2 được chia theo pháp luật, các đương sự còn lại đều giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết tranh chấp.

* Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa từ lúc thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo qui định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng theo luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định cụ Trần Văn B1 chết năm 1995, cụ Phạm Thị H10 chết năm 2007. Các đương sự đều xác nhận các thửa đất tranh chấp là của cụ B1, nhưng sau khi cụ B1 chết thì ông Trần Văn T5 kê khai đứng tên lúc cụ H10 còn sống. Tòa sơ thẩm chưa làm rõ đất tranh chấp là của riêng cụ B1 hay của chung hai cụ. Trên đất tranh chấp có căn nhà của chị T6 đang ở cùng chồng và các con, phía nguyên đơn yêu cầu tháo dỡ di dời nhưng Tòa sơ thẩm không đưa chồng, con của chị T6 vào tham gia tố tụng. Tòa sơ thẩm quyết định chia thừa kế cho những người đã chết và không xem xét giải quyết hết yêu cầu khởi kiện, không xử lý quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tổ tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cấp sơ thẩm xem xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe các đương sự trình bày ý kiến phát biểu tranh luận và nội dung phân tích, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Về quyền kháng cáo: Các đương sự Võ Thị H, Võ Thị Minh H2, Võ Thụy Minh H3, Võ Thụy Minh H4, Võ Minh H5, Trần Thị Lang, Huỳnh Quốc D, Huỳnh Thị Thanh V, Nguyễn Thị B thực hiện trong thời hạn luật định, đúng theo các điều 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tổ tụng dân sự qui định nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Võ Thị H ủy quyền cho Nguyễn Thị Ngọc H1. Bà Trần Thị L2, chị Huỳnh Thị Thanh V, anh Huỳnh Quốc D ủy quyền cho Võ Thị H, chị Trần Thị Diễm H8 ủy quyền cho chị Trần Thị Minh H2, ông Huỳnh Văn B1 ủy quyền cho anh Huỳnh

Quốc D làm đại diện tham gia tố tụng. Việc ủy quyền được thực hiện theo các điều 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự còn lại đều có đơn xin vắng mặt và vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 2 khoản 3 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do cha mẹ chết để lại theo quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 609, 611, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 167, 168, khoản 2 điều 170, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

[3.1] Nguyên đơn Trần Thị S lúc còn sống trình bày cha, mẹ của bà là cụ Trần Văn B1 (chết năm 1995) và cụ Phạm Thị H10 (chết năm 2007) cha, mẹ bà có 06 người con gồm: Nguyễn Thị B2, Trương Văn H8, Trần Thị K2, Trần Thị L2, Trần Thị S (là bà) và Trần Văn T5. Khi còn sống cha mẹ bà có tạo lập 01 ngôi nhà và 03 thửa đất tại ấp T, xã T2, Huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 1995, cha bà qua đời đến năm 2007 mẹ bà cũng qua đời để lại tài sản mà không có di chúc. Sau khi cha bà qua đời thì ông Trần Văn T5 tự ý chuyển toàn bộ tài sản cho ông đứng tên gồm căn nhà cấp 4 diện tích 100m² và các thửa đất 213 diện tích 2377m² (đất lúa) thửa 214 diện tích 2847m² (đất lúa) và thửa 1034 diện tích 1833m² (đất thổ+quả).

Thửa 213 và thửa 214 tổng diện tích 5224m² nhưng ông Tám đã bán 1.500m², chỉ còn lại 3724m².

Năm 2016, Nhà nước nâng cấp đường dây tải điện 220KV Phú Lâm- Cai Lậy, Đoạn C đi ngang qua phần đất của cha mẹ bà để lại do ông Tám đứng tên nên được bồi thường số tiền 477.174.009 đồng, hiện do bà B là vợ của ông đã chết quản lý toàn bộ số tài sản nói trên.

Nên bà S khởi kiện yêu cầu thừa kế phần diện tích đất còn lại 3727,80m² và số tiền đền bù đường điện cho bà B và các con bà B đang quản lý thành 06 kỷ phần. Mỗi kỷ phần bằng 612,3m² đất và 79.529.000 đồng tiền đền bù. Bà S yêu cầu được nhận 04 kỷ phần gồm của bà, của bà K2, bà L2, ông H8 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T5 (BL 120), yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế công chứng tại văn phòng công chứng Ấp Bắc, hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng số 5012, 5013, 5006, 5007, 5010, 5011, 5009, 5008. Hủy tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho H2, H11, T6, H8, B (BL 289, 290), yêu cầu tháo dỡ, di dời phần nhà bà B cất trên thửa 213, 214 (BL 262).

Năm 2021, bà S chết, các con bà S gồm: H, Minh H2, Minh H3, Minh H4 và Minh H5 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà S tiếp tục tham gia tố tụng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà S.

[3.2] Bị đơn Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền của bà B trình bày: Nguồn gốc 3 thửa đất bà S yêu cầu chia thừa kế là của cụ Trần Văn B1 để lại cho Trần Văn T5, khi ông Tám lập thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai tranh chấp, khi ông Tám chết thì bà cùng các con làm thủ tục thừa kế các thửa đất của ông Tám và thống nhất giao cho bà đứng tên toàn bộ. Sau đó bà làm thủ tục tặng cho các con bà H2, H11, T6, H8 mỗi người một phần và bà có nhận tiền bồi thường phần đất bị thu hồi đường điện nhưng không có ai tranh chấp. Việc bà S yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ pháp luật nên bà không chấp nhận yêu cầu của bà S.

[3.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Trần Thị L2 trình bày: Thống nhất về họ tên cha mẹ, anh chị em thuộc hàng thừa kế thứ nhất như nguyên đơn trình bày. Về tài sản thừa kế đúng như bà S khai. Bà yêu cầu được chia 01 kỷ phần thừa kế bằng 612,3m² đất và 79.529.000 đồng tiền bồi thường đất. Toàn bộ phần di sản được chia cho bà L2 bà để lại cho bà S.

[3.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Huỳnh Quốc D, Huỳnh Thị V (là con bà Trần Thị K2 thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã chết) trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế và tài sản thừa kế như bà Trần Thị S và Trần Thị L2 trình bày. Anh D, chị V yêu cầu chia 01 kỷ phần thừa kế bằng 612,3m² đất và 79.529.000 đồng tiền đền bù đường điện cho mẹ anh chị. Phần thừa kế của mẹ anh chị được chia thì tự nguyên giao cho bà S (BL 242).

[4] Xét về quan hệ nhân thân: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Cụ Trần Văn B1 sinh năm 1912 (chết năm 1995) và cụ Phạm Thị Huê sinh năm 1915 (chết năm 2007) hai cụ là vợ chồng có 06 người con:

1/. Nguyễn Văn B2 sinh năm 1937 (chết năm 1996), bà B2 có chồng là: Trần Văn H sinh năm 1938 (chết năm 2014) và 10 người con gồm: Trần Thị T1, Trần Thị H6, Trần Văn H5, Trần Thị M, Trần Văn L1, Trần Minh V, Trần Thị Yên O, Trần Thị Tổ T3, Trần Quốc P, Trần Quốc T4.

2/. Trương Văn H8 sinh năm 1942 (chết năm 1996), ông H8 có vợ là Nguyễn Thị H6 sinh năm 1944 và con là Trương Văn H5.

3/. Trần Thị K2 sinh năm 1943 (chết năm 1967), bà K2 có chồng là Huỳnh Văn B1 sinh năm 1934 và 02 người con là Huỳnh Quốc D và Huỳnh Thị Thanh V.

4/. Trần Thị L2 sinh năm 1948.

5/. Trần Văn T5 sinh năm 1958 (chết năm 2014). Ông T5 có vợ là Nguyễn Thị B sinh năm 1956 là bị đơn và 04 người con gồm: Trần Thị Minh H2, Trần Thị Mỹ H11, Trần Thị Thu T6 và Trần Thị Diễm H8.

6/. Trần Thị S sinh năm 1951 (chết năm 2021). Bà S có chồng là Võ Minh H5 sinh năm 1948 chết năm 1996 và 05 người con gồm: Võ Thị H, Võ Thị Minh H2, Võ Thụy Minh H3, Võ Thụy Minh H4 và Võ Minh H5.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm xác định không đúng, không đầy đủ người tham gia tố tụng, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như đã nêu.

[5] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản của cha (Trần Văn B1) và mẹ (Phạm Thị Huệ) chết để lại (BL 24, 119, 118). Cụ B1 chết năm 1995, cụ H10 chết năm 2007. Nhưng tài sản tranh chấp đã được ông T5 (chồng bà B) kê khai đăng ký cấp giấy vào năm 2001 khi cụ H10 còn sống. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tám thể hiện, Đơn xin cH5ền quyền sử dụng đất ghi Bên cH5ền quyền sử dụng Trần Văn B1 (chết), Bên nhận quyền sử dụng đất Trần Văn Tám. Quan hệ giữa bên chuyển và bên nhận “Chúng tôi là quan hệ thừa kế và đang có hộ khẩu cùng hộ”. Đơn của ông T5 được Ủy ban nhân dân Huyện C duyệt đồng ý ngày 22/4/1999 (BL 84, 85, 86, 87). Tòa sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, làm rõ lúc ông T5 kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ H10 vợ cụ B1 có ý kiến gì, nhưng lại xác nhận toàn bộ các thửa đất là di sản của cụ B1, cụ H10 để chia thừa kế.

[6] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Chia thừa kế, yêu cầu hủy tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T5, bà B, chị H2, H11, T6, H8 (BL 120, 289, 290), Hủy văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế và hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng số 5006, 5007, 5008, 5009, 5010, 5011, 5012, 5013. Tòa sơ thẩm thụ lý và thụ lý bổ sung tất cả các yêu cầu trên nhưng phần quyết định bản án hoàn toàn không xử lý gì về các yêu cầu của đương sự là không đúng với khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Trần Thị Thu T6) phải tháo dỡ di dời căn nhà chị T6 cất trên thửa 213, 214 trong thời gian tranh chấp (BL 262) yêu cầu này có liên quan đến chồng và con của chị T6 đang ở trong căn nhà và phần đất tranh chấp, nhưng cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự).

Về số tiền bồi thường cho hộ dân thuộc Công trình cải tạo, nâng cấp đường dây 220 KV Phú Lâm- Cai Lậy 2 đoạn qua Huyện C do bà B nhận 477.174.000 đồng, bao gồm:

- Đất cây lâu năm:	52.991.400 đ;
- Đất ở nông thôn:	32.681.988 đ;
- Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất:	112.900.320 đ;
- Hỗ trợ nghề:	42.966.000 đ;
- Nhà cửa vật kiến trúc:	223.084.301 đ;
- Cây trái hoa màu:	6.470.000 đ;
- Các chính sách hỗ trợ khác:	6.080.000 đ.

Tòa sơ thẩm không phân định phần nào thuộc di sản thừa kế, phần nào thuộc tài sản hộ gia đình ông T5, bà B, phần nào thuộc chính sách hỗ trợ cho người bị

ảnh hưởng của công trình điện, nhưng lại gộp tất cả các khoản trên để chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn là trái với quy định của pháp luật.

[8] Tòa sơ thẩm xác định chia di sản thừa kế thành 7 phần bằng nhau mỗi phần 519.664.858đ. Quyết định chia cho các con của bà S 2 phần bằng 1039.209.716 đ. Chia cho vợ và các con của ông Tám 02 phần bằng 1039.209.716đ, còn 03 phần còn lại thì không xác định là của người nào, do ai quản lý.

[9] Về án phí: Tòa sơ thẩm buộc bà B, chị H8, H2, T6, H11 được hưởng phần thừa kế của ông Trần Văn Tám phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 43.176.291 đồng. Nhưng lại cho chị Hằng, H2, H3, H4, H5 là những người được hưởng phần thừa kế của bà Trần Thị S được miễn toàn bộ án phí. Mặc khác anh Huỳnh Quốc D xin nhận phần thừa kế của mẹ là bà Trần Thị K2 để nhường lại cho Trần Thị S nhưng không được chấp nhận vẫn buộc chịu án phí là trái với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[10] Tòa sơ thẩm cũng không có quyết định xử lý Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 02/4/2021 và không có quyết định phân công Hội thẩm nhân dân theo Điều 47 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do án sơ thẩm có quá nhiều sai sót nghiêm trọng cả tố tụng và nội dung giải quyết mà cấp phúc thẩm không thể nào bổ sung khắc phục được nên phải hủy án sơ thẩm. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo luật định. Nên chưa xét được yêu cầu kháng cáo của các đương sự. Các đương sự không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 270, 293, khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng luật định.

2. Về án phí:

- Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho các đương sự: Võ Thị H, Huỳnh Quốc D, Võ Thị Minh H2, Huỳnh Thị Thanh V, Trần Thị Lang, Võ Minh H5, Võ Thụy Minh H4, Võ Thụy Minh H3, Nguyễn Thị B. Mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0021351, 0021352, 0021353, 0021354, 0021355, 0021356, 0021357, 0021358 ngày 12/01/2023 và biên lai thu số 0021359 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Huyện C;
- Chi cục THADS Huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải

